

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 25 – 4 – 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Lê Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 08/TB-TA ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1979 – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, Sinh năm: 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Kim T, Sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- Ông Trương Chí N, Sinh năm: 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 03-04/7/2019 sau quá trình thỏa thuận thống nhất, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N(gọi tắt là Ngân hàng) ký kết 02 hợp đồng tín dụng số 7507-LAV-201901719; 7507-LAV-201901720 với ông Nguyễn Văn H, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7507-LAV-201901719 ngày 03/7/2019 vay số tiền 3.000.000.000 đồng; Lãi suất: 9,47%/năm, Mục đích: Cho vay bù đắp tài chính chi phí mua tàu cá khai thác thủy sản; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày cho vay; Phương thức cho vay: Từng lần.

Hợp đồng tín dụng số 7507-LAV-201901720 ngày 04/7/2019 vay số tiền 1.500.000.000 đồng; Lãi suất: 7%/năm, Mục đích: Cho vay bù đắp tài chính chi phí khai thác thủy sản; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay; Phương thức cho vay: Từng lần.

Tổng mức cấp tín dụng: 4.500.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 759.011.507 đồng.

Để đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng Ngân hàng và ông H, bà T đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: KM01312804/HĐTC ngày 04/4/2014 quyền sử dụng đất số BG269132 do UBND thành phố C cấp ngày 21/10/2011 số thửa 76, tờ bản đồ số 58 diện tích 68m² tọa lạc tại xã L, thành phố C, do ông H và bà T đứng tên. Tổng giá trị tài sản thế chấp 272.000.000 đồng đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ 200.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: KM01429944/HĐTC ngày 25/8/2015 quyền sử dụng đất số BD520840 do UBND huyện Ngọc Hiền cấp ngày 25/3/2011 số thửa 175, tờ bản đồ số 33 diện tích 100m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N do bà T đứng tên. Tổng giá trị tài sản thế chấp 1.100.000.000 đồng đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ 825.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KM01312804/HĐTC ngày 06/6/2019:

+ Quyền sử dụng đất số CA607156 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2015 số thửa 168+162, tờ bản đồ số 38 diện tích 112,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N do ông H và bà T đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất số CN582071 do UBND huyện N cấp ngày 18/6/2018 số thửa 190, tờ bản đồ số 38 diện tích 67,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N do ông Hưng đứng tên.

Tổng giá trị tài sản thế chấp 671.712.000 đồng đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ 500.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: KM07/2015//HĐTC ngày 07/7/2015 giấy chứng nhận tàu cá số 150324 (tàu cá số CM-99977-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 01/7/2015 do ông H đứng tên.

Tổng giá trị tài sản thế chấp 2.700.000.000 đồng đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ 1.800.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: KM08/2015//HĐTC ngày 29/7/2015 giấy chứng nhận tàu cá số 150293 (tàu cá số CM-99988-TS) do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 28/7/2015 do ông H đứng tên.

Tổng giá trị tài sản thế chấp 2.700.000.000 đồng đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ 1.800.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tính đến hết ngày 15/6/2021 tổng dư nợ của ông H tạm tính tại Ngân hàng là 5.259.011.507 đồng, trong đó nợ gốc 4.500.000.000 đồng và nợ lãi 759.011.507 đồng. Đến nay khoản vay trên đã quá hạn Ngân hàng đã liên hệ với ông H để thanh toán nợ nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H và bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 15/6/2021 là 5.259.011.507 đồng, trong đó nợ gốc 4.500.000.000 đồng, lãi 759.011.507 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định hợp đồng tín dụng. Nếu ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông H, bà T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 23/12/2021 ông Trương Chí N trình bày: Ông được giao quản lý căn nhà của ông H, bà T tại Khóm 1, thị trấn R, khi nào ai sử dụng thì ông giao trả lại chứ ông không có quyền và nghĩa vụ đối với phần đất của ông H, bà T. Nay yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T thanh toán tổng số tiền 5.676.017.260 đồng trong đó nợ gốc 4.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 932.314.521 đồng, lãi quá hạn 243.702.739 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định hợp đồng tín dụng. Nếu ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Do ông H, bà T chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ngọc Hiển khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H, bà T cùng cư trú tại khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ông H và bà T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vào ngày 03-04/7/2019 việc ông H vay nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N (gọi tắt là Ngân hàng) là thực tế có xảy ra, khi vay đôi bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và có lãi, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vay vốn số 7507-LAV-201901719/HĐTD ngày 03/7/2019 thể hiện ông H vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng với số tiền gốc 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay bù đắp tài chính chi phí mua tàu cá khai thác thủy sản, lãi suất 9.47%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày cho vay. Căn cứ hồ sơ vay vốn số 7507-LAV-201901720/HĐTD ngày 04/7/2019 thể hiện ông H vay với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12

tháng, mục đích vay bù đắp chi phí khai thác thủy sản, lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày cho vay.

Đến ngày 15/6/2021 phía ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là vi phạm thời hạn thanh toán nợ khi đến hạn theo hợp đồng xác lập làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Từ khi xác lập 02 hợp đồng vay số 7507-LAV-201901719 ngày 03/7/2019 và 7507-LAV-201901720 ngày 04/7/2019 đến thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 thì khoản nợ vay của ông H đã quá hạn. Sau khi đối chiếu khoản nợ gốc vay chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc 4.500.000.000 đồng do ông H vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2022 với lãi trong hạn 932.314.521 đồng, lãi quá hạn 243.702.739 đồng và thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp theo mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Để đảm bảo việc vay vốn ông H, bà T đã dùng phần tài sản của ông bà để xác lập các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp số KM01312804/HĐTC ngày 04/4/2014 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG269132 số vào sổ cấp GCN: CH00358 do UBND thành phố C cấp ngày 21/10/2011 tổng diện tích là 68m² tọa lạc tại xã L, thành phố C do ông H, bà T đứng tên; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KM01429944/HĐTC ngày 25/8/2015 số BD520840 do UBND huyện N cấp ngày 25/3/2011 diện tích 100m² tọa lạc tại ấp K (nay là Khóm 1), thị trấn R, huyện N do bà T đứng tên; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: KM01312804/HĐTC ngày 06/6/2019: Quyền sử dụng đất số CA607156 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2015 diện tích 112,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N do ông H, bà T đứng tên; Quyền sử dụng đất số CN582071 do UBND huyện N cấp ngày 18/6/2018 diện tích 67,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N do ông H đứng tên; hợp đồng thế chấp tài sản số: KM07/2015//HĐTC ngày 07/7/2015 giấy chứng nhận tàu cá số 150324 số đăng ký CM-99977-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 01/7/2015 do ông H đứng tên; hợp đồng thế chấp tài sản số: KM08/2015//HĐTC ngày 29/7/2015 giấy chứng nhận tàu cá số 150293 số đăng ký CM-99988-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 28/7/2015 do ông H đứng tên.

Các hợp đồng thế chấp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực và đảm bảo nội dung, hình thức và trình tự theo quy định của pháp luật nên hợp đồng được xác định là hợp pháp. Mặc dù, khi ký kết các hợp đồng vay vốn do ông H trực tiếp ký kết hợp đồng, nhưng các hợp đồng thế chấp tài sản và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm đều do ông H và bà T ký, thời gian xác lập hợp đồng vay thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T vẫn tồn tại nên số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là nghĩa vụ chung nên vợ chồng ông H và bà T phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ do ông H xác lập được quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, khi ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ của người thế chấp tài sản.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông H, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N số tiền 5.676.017.260 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 4.500.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn 932.314.521 đồng, lãi quá hạn 243.702.739 đồng tính đến ngày 25/4/2022. Đồng thời, ông H, bà T phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi kể từ ngày 26/4/2022 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng hợp đồng vay số 7507-LAV-201901719 ngày 03/7/2019 và hợp đồng vay số 7507-LAV-201901720 ngày 04/7/2019. Trường hợp ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ của người thế chấp, các tài sản gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG269132 do UBND thành phố C cấp ngày 21/10/2011 số vào sổ 00358 diện tích 68m² tọa lạc tại xã L, thành phố C, tỉnh C do ông H và bà T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD520840 do UBND huyện N cấp ngày 25/3/2011 số vào sổ CH000233 diện tích 100m² tọa lạc tại ấp K (nay là khóm 1), thị trấn R, huyện N, tỉnh C do bà T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA607156 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2015 số vào sổ CH01936 diện tích 112,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C do ông H và bà T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN582071 do UBND huyện N cấp ngày 18/6/2018 số vào sổ CH00714 diện tích 67,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C do ông H đứng tên.

- Giấy chứng nhận tàu cá số 150324 số đăng ký số CM-99977-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 01/7/2015 do ông H đứng tên.

- Giấy chứng nhận tàu cá số 150293 số đăng ký số CM-99988-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 28/7/2015 do ông H đứng tên.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông H, bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 113.676.017 đồng. Ngân hàng đã dự nộp số tiền 56.630.000 đồng theo biên lai thu số 0006622 ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Ngân hàng được nhận lại.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 5.676.017.260 đồng (Năm tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nghĩa vụ của người thế chấp, các tài sản gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG269132 do UBND thành phố C cấp ngày 21/10/2011 số vào sổ 00358 diện tích 68m² tọa lạc tại xã L, thành phố C, tỉnh C do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD520840 do UBND huyện N cấp ngày 25/3/2011 số vào sổ CH000233 diện tích 100m² tọa lạc tại ấp K (nay là khóm 1), thị trấn R, huyện N, tỉnh C do bà Nguyễn Kim T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA607156 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2015 số vào sổ CH01936 diện tích 112,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T đứng tên.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN582071 do UBND huyện N cấp ngày 18/6/2018 số vào sổ CH00714 diện tích 67,8m² tọa lạc tại khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh C do ông Nguyễn Văn H đứng tên.

- Giấy chứng nhận tàu cá số 150324 số đăng ký số CM-99977-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 01/7/2015 do ông Nguyễn Văn H đứng tên.

- Giấy chứng nhận tàu cá số 150293 số đăng ký số CM-99988-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh C cấp ngày 28/7/2015 do ông Nguyễn Văn H đứng tên.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 113.676.017 đồng.

- Ngân hàng N đã dự nộp số tiền 56.630.000 đồng theo biên lai thu số 0006622 ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, Ngân hàng được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như